

Số: /KH-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Khắc phục tồn tại, hạn chế năm 2023, duy trì và nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Hải lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2024 tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở công bố kết quả năm 2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam về các chỉ số: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Hải lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023, kết quả các chỉ số trên của tỉnh Quảng Trị có sự cải thiện về thứ bậc và tăng cao hơn so với năm 2022: Chỉ số PAR Index đạt 86,25/100 điểm, xếp thứ 41/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 11 bậc so với năm 2022; Chỉ số SIPAS đạt 79,46%, xếp thứ 53/63, tăng 2 bậc so với năm 2022; Chỉ số PAPI đạt 42,7705 điểm, xếp thứ 26/63, tăng 11 bậc so với năm 2022. Đây là kết quả của sự tập trung lãnh đạo chỉ đạo của Cấp ủy, Chính quyền các cấp và nỗ lực quyết tâm của cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan trong giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp; tôn trọng người dân, tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia xây dựng chính quyền; nâng cao mức hải lòng lòng của người dân của doanh nghiệp.

Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế các chỉ số trong năm 2023, UBND tỉnh ban hành kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế năm 2023 nhằm duy trì, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hải lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Duy trì kết quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần của các chỉ số đạt tỷ lệ điểm tối đa; đưa ra các giải pháp cụ thể để cải thiện, nâng cao các chỉ số. Phần đầu năm 2024 chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI tiếp tục được cải thiện, nâng cao chất lượng về điểm số, thứ hạng trên các lĩnh vực và chỉ số thành phần.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo các văn bản Trung ương và của tỉnh về cải cách hành chính (CCHC); trong đó đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC để cải thiện và nâng cao các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị địa phương; phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; cải thiện

manh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể nội dung tồn tại, hạn chế; thời hạn, tiến độ hoàn thành nêu rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan liên quan để phối hợp kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả (đảm bảo tăng điểm số, tăng thứ hạng) các lĩnh vực/chỉ số nội dung/tiêu chí thành phần của các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI năm 2024.

- Việc cải thiện, nâng cao các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Đổi mới tư duy, đổi mới lề lối làm việc, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ CCHC năm 2024; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng các nội dung theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2024.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo điều hành CCHC, cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ và triển khai đảm bảo chất lượng, tiến độ các nội dung được xác định trong Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, các Nghị quyết của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh: Nghị quyết số 01-NQ/BCSD ngày 06/6/2023 về quyết tâm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 của tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 02-NQ/BCSD ngày 27/6/2023 về quyết tâm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025; Chương trình hành động số 34/CTr-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy; Kế hoạch CCHC năm 2024 nhằm cải thiện, tăng thứ hạng, điểm số các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI.

- Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn được giao chủ trì các nội dung/lĩnh vực CCHC phải trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh (BCĐ CCHC tỉnh) về điểm số, thứ hạng của các tiêu chí, tiêu chí thành phần, chỉ số lĩnh vực/nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan mình chủ trì, theo dõi, triển khai; bám sát các nội dung, lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định của Bộ Chỉ số cấp tỉnh để triển khai kịp thời, đảm bảo

tiên độ, chất lượng.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt phấn đấu hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 7/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND tỉnh) về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

- Hoàn thành 100% các nội dung đã ký tại Bản Cam kết số 303/CK-BCĐCCHC ngày 13/3/2024 giữa Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị, Trưởng BCĐ CCHC tỉnh với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Chủ động nghiên cứu, tìm kiếm hoặc tham khảo các sáng kiến, mô hình mới, cách làm hiệu quả để áp dụng tạo bước đột phá trong công tác CCHC từ đó cải thiện, nâng cao các chỉ số CCHC của tỉnh, của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; thành viên BCĐ CCHC tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao (*tại Phụ lục của Kế hoạch này*).

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã

- Nghiên cứu Báo cáo số 124/BC-SNV ngày 29/4/2024 của Sở Nội vụ; rà soát, phân tích kết quả các Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI năm 2023 đối chiếu với các nội dung, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động ban hành văn bản để cụ thể hóa và triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo nghiêm túc, có hiệu quả (*văn bản triển khai của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi chung*).

- Thực hiện nghiêm yết, công khai thủ tục hành chính (TTHC) đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa các cấp và trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; hạn chế thấp nhất việc trả hồ sơ TTHC không đúng hạn, hồ sơ TTHC phải bổ sung nhiều lần và thực hiện đúng quy định về thông báo và xin lỗi người dân, tổ chức đối với các hồ sơ trễ hạn đạt 100% nhằm tăng mức hài lòng của người dân, tổ chức, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; không để xảy ra tình trạng gây nhiễu, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC; xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân đảm bảo

tiếp tục duy trì, nâng cao điểm số, thứ hạng trong chỉ số SIPAS.

- Thực hiện nghiêm các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách đảm bảo thực hiện 100% các nội dung theo kiến nghị.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì tiếp tục tham mưu thực hiện các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành CCHC; đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy, tăng cường công tác cải cách chế độ công vụ trong đó tập trung thực hiện đảm bảo cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; quy định tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; công tác đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức...

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai việc khắc phục tồn tại, hạn chế và duy trì, nâng cao chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI của tỉnh cũng như việc thực hiện Bản Cam kết nâng cao các chỉ số đã ký kết.

- Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất về CCHC gắn với thanh tra, kiểm tra công vụ; triển khai thẩm định chỉ số CCHC hàng năm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo chất lượng, tiến độ.

- Triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân trên địa bàn tỉnh; báo cáo kết quả cho UBND tỉnh, tham mưu UBND tỉnh tổ chức công bố chỉ số hài lòng của người dân cùng với Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đánh giá thông qua lấy phiếu điều tra xã hội học năm 2024 khi có yêu cầu của Bộ Nội vụ.

- Đôn đốc, theo dõi việc triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch này, hàng quý báo cáo kết quả về UBND tỉnh theo báo cáo CCHC định kỳ.

3. Sở Tư pháp

- Tiếp tục tham mưu các giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách thể chế theo kế hoạch từ đầu năm trong đó chú trọng tiếp tục nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; kịp thời tổng hợp, kiến nghị các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện văn bản quy phạm pháp luật đến cơ quan có thẩm quyền; tham mưu, hướng dẫn xử lý các bất cập, khó khăn trong tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành.

- Nâng cao chất lượng thẩm định quy định về TTHC, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đăng ký đất đai, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội tại các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

4. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các giải pháp tiếp tục tăng cường cải cách TTHC, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo duy trì thứ hạng, điểm số lĩnh vực cải cách TTHC năm 2023.

- Tiếp tục hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC; tăng cường công tác kiểm tra việc giải quyết TTHC và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC.

- Phối hợp với Sở Nội vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả, kịp thời đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Sở Tài chính

- Tiếp tục tham mưu các giải pháp quyết liệt đẩy mạnh cải cách tài chính công, trong đó tập trung hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải ngân vốn đầu tư công phần đầu hoàn thành 100% theo kế hoạch.

- Theo dõi, tổng hợp và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nghiêm kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai các nhiệm vụ đảm bảo cải thiện thứ hạng và điểm số trong lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số năm 2024; trong đó tập trung cao việc thực hiện phát triển các nền tảng cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh có trách nhiệm thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và tăng cường công tác tham mưu dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về chỉ số CCHC và các chỉ số liên quan theo kế hoạch; hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền người dân và doanh nghiệp khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) góp phần cải thiện, thu hút đầu tư; đảm bảo tăng số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường; nâng cao số vốn đăng ký doanh nghiệp.

- Theo dõi tiến độ, tham mưu giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phần đầu đạt 100% kế hoạch được giao.

- Thực hiện theo dõi, tổng hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu HĐND tỉnh giao năm 2024 (*phần đầu hoàn thành 100% chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024*).

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra tình hình phân cấp quản lý đất đai

năm 2024, đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch và các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thể hiện rõ việc khắc phục các tồn tại hạn chế sau kiểm tra và kết quả cuối cùng; hoàn thành trong tháng 12/2024.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các giải pháp về số hóa dữ liệu, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm các quy trình phức tạp; tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng hồ sơ TTHC trễ hạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hài lòng của người dân và tổ chức khi tiến hành các TTHC về đất đai, tài nguyên, môi trường.

- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện công khai thông tin đất đai, quy hoạch ở các cấp để người dân, doanh nghiệp biết và thực hiện theo đúng quy định.

9. Sở Y tế

- Chủ trì triển khai các giải pháp cụ thể, đồng bộ nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của ngành, cải tiến quy trình khám, chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin ngành y tế nhằm cắt giảm, đơn giản hóa quy trình khám chữa bệnh.

- Tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, nguồn nhân lực ngành y tế, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng.

- Tiếp tục rà soát hệ thống trung tâm y tế tuyến huyện nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu của người bệnh (trình độ chuyên môn, cơ sở vật chất, thiết bị y tế, thuốc, thái độ phục vụ...).

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng giao tiếp ứng xử, y đức, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế; đồng thời đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khám chữa bệnh đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức.

- Phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố tiếp tục rà soát lại toàn bộ trường Tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh; báo cáo hiện trạng và tập trung vào các tiêu chí sau: Lớp học là nhà kiên cố; nhà vệ sinh sạch sẽ; học sinh có nước uống sạch ở trường; học sinh không phải học ca ba; giáo viên không ưu ái học sinh học thêm; giáo viên có trình độ sư phạm tốt; phụ huynh thường xuyên nhận được phản hồi; nhà trường công khai việc thu, chi với phụ huynh học sinh.

- Tăng cường các giải pháp tham mưu, phối hợp, chỉ đạo nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng dịch vụ của trường Tiểu học công lập trong thời gian đến.

11. Công an tỉnh

- Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030”.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, kiên quyết không để xảy ra tình trạng gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính; tuyệt đối tránh tình trạng kiểm tra công tác cháy nổ, môi trường “ngoài kế hoạch”.

12. Cục thuế tỉnh

- Thực hiện đúng các quy trình về TTHC đã được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan tiếp dân, đảm bảo tính kịp thời, chính xác, rõ ràng, đầy đủ và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện.

- Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành thực hiện nghiêm việc bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi tiếp nhận và giải quyết TTHC về thuế đảm bảo đúng quy định, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh CCHC và hiện đại hoá công tác quản lý thuế; ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ tốt công tác quản lý thuế; tăng cường rà soát, kiểm tra, cắt giảm các TTHC về thuế không cần thiết, tăng cường triển khai tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin căn cước công dân, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi sử dụng mã định danh cá nhân làm mã số thuế, triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ của Cục thuế.

13. Cục Hải quan tỉnh

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp về cải cách các TTHC trong lĩnh vực hải quan nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu; duy trì đường dây nóng và các tổ giải quyết vướng mắc tại các cửa khẩu nhằm nắm bắt, xử lý kịp thời những khó khăn của người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện Hệ thống dịch vụ công trực tuyến; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc vận hành hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin thực hiện thủ tục hành chính triển khai tại các cửa khẩu như: hệ thống VNACCS/VCIS, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống nộp thuế điện tử 24/7, hệ thống một cửa quốc gia...

- Quán triệt đội ngũ cán bộ Hải quan cửa khẩu không được để xảy ra tình trạng tiêu cực trong vấn đề giải quyết TTHC thông quan.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Quảng Trị, các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh

- Tiếp tục xây dựng, duy trì chuyên mục, chuyên trang về CCHC, tiếp nhận ý kiến của người dân, doanh nghiệp liên quan đến CCHC chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Đổi mới phương thức thông tin, tuyên truyền về CCHC, trong đó chú

trọng tuyên truyền về hoạt động công vụ, công chức trên địa bàn để tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức thể hiện vai trò giám sát đối với cơ quan hành chính nhà nước.

15. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp các cấp

Tích cực phối hợp trong việc tuyên truyền, triển khai các giải pháp góp phần cải thiện, nâng cao các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI; tham gia phối hợp, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt đối với việc giải quyết TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; vận động các đoàn viên, hội viên, Nhân dân chủ động, tích cực và tự giác tham gia trong giải quyết TTHC, tiến trình chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến...

16. UBND các huyện, thành phố thị xã

- Tăng cường tuyên truyền và tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân (thôn, khu phố) về mục đích, ý nghĩa, nội dung kết quả của việc đo lường sự hài lòng, trách nhiệm, quyền lợi của người dân, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức trong việc cung cấp thông tin, tham gia điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đầy đủ các quy định về công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá bồi thường thu hồi đất trên Cổng thông tin điện tử của các huyện, thị xã, thành phố; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện công khai danh sách hộ nghèo; công khai thu, chi ngân sách xã, phường, thị trấn trên Trang thông tin điện tử và tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn theo quy định nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao điểm số các chỉ số nội dung thuộc chỉ số PAPI.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện (tại báo cáo cải cách hành chính) gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Quảng Trị;
- Lưu: VT, NC_Y.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Tiên

Phụ lục
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN BỊ TRỪ ĐIỂM
CỦA CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX), SIPAS và PAPI NĂM 2023 TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	9.5	8.4239	-1.0761					
1.1.	Thực hiện kế hoạch CCHC	1.5	1,4741	-0.0259	Một số nhiệm vụ công khai, cập nhật TTHC chưa thực hiện tốt; đã thẩm định, đánh giá tại Lĩnh vực 3 CCTTHC; chưa đủ điều kiện cho điểm tối đa.	UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hoàn thành 100% Kế hoạch CCHC và Kế hoạch CCHC trọng tâm năm 2024 của đơn vị, trong đó chú trọng đến nội dung công khai, cập nhật TTHC.	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Thường xuyên trong năm	- Công văn chỉ đạo, nhắc nhở; - Quán triệt tại các phiên họp giao ban định kỳ của đơn vị hoặc tại UBND tỉnh.
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	0,9872	-0.0128	15 đơn vị, địa phương được kiểm tra CCHC trong năm 2023 đã khắc phục được 38/39 (97,43%) vấn đề được Đoàn Kiểm tra chỉ ra; có 01 nội dung chưa khắc phục được thuộc Ban Dân tộc liên quan đến cập nhật Trang thông tin điện tử của đơn vị.	Ban Dân tộc làm việc với các cơ quan chuyên môn để có biện pháp quản lý, vận hành và cập nhật Trang thông tin điện tử của đơn vị đầy đủ theo quy định.	- Sở Nội vụ đôn đốc, theo dõi đơn vị thực hiện việc khắc phục của đơn vị. - Ban Dân tộc thực hiện khắc phục.	Quý III-IV	Đơn vị gửi báo cáo kết quả khắc phục lên BCĐ CCHC tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2	1	-1	Tỉnh đã trình bày 5 Sáng kiến. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định chỉ công nhận	UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các Sở, Ban; Chủ tịch UBND các huyện, thị	Các sở, ban, ngành và UBND các	Quý IV	Có ít nhất 02 Sáng kiến được UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
					sáng kiến: “Giải pháp về xây dựng, ban hành “Cẩm nang hỗ trợ Đăng ký doanh nghiệp” của Sở Kế hoạch và Đầu tư. 4 sáng kiến còn lại chưa có tính mới, tính khác biệt; Một số nội dung mang tính chất là thực hiện nhiệm vụ TW giao chứ không phải là sáng kiến của tỉnh.	xã, thành phố cần quan tâm, có giải pháp tìm kiếm, xây dựng Sáng kiến, trình UBND tỉnh xem xét, công nhận là Sáng kiến cấp tỉnh.	huyện, thị xã và thành phố		công nhận.
1.7	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1.5	1,4626	-0.0374	Căn cứ BC 66/BC-VPCP ngày 03/01/2024 của VPCP về tình hình thực hiện nhiệm vụ CP, TTg giao (không tính các nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng trong hạn).	UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các ngành thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện.	Thường xuyên trong năm	Công văn chỉ đạo, giao nhiệm vụ của UBND tỉnh
2	Cải cách thể chế	10	9.3193	-0.6807					Sở Tư pháp
2.4.1	Tính đồng bộ, thống nhất của các VBQPPL do địa phương ban hành	1	0,8064	-0.1936	Điều tra xã hội học	- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của điều tra xã hội học đối với công tác cải cách thể chế;	Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.	Thường xuyên trong năm	- Các cuộc họp, giao ban của cơ quan, đơn vị; - Văn bản tham mưu ban hành.
2.4.2	Tính hợp lý của các VBQPPL do địa phương ban hành	1	0,8208	-0.1792	Điều tra xã hội học	- Các cơ quan chủ trì soạn			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
2.4.3	Tính khả thi của các VBQPPL do địa phương ban hành	1	0,8089	-0.1911	Điều tra xã hội học	thảo khi xây dựng dự thảo văn bản nghiên cứu, rà soát đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý, khả thi khi văn bản được ban hành;			
2.4.4	Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương	1	0,8832	-0.1168	Điều tra xã hội học	Thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý.			
3	Cải cách thủ tục hành chính	13.0	12,4545	-0.5455					Văn phòng UBND tỉnh
3.2.2	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	1.5	1	-0.5	Công DVC của tỉnh, công khai, cập nhật không đầy đủ các quy định, TTHC mới, vẫn còn tình trạng dẫn chiếu đến các quy định đã hết hiệu lực thi hành. Cụ thể: - LV xây dựng: vẫn công khai dẫn chiếu đến các quy định phí, lệ phí tại TT 01/2013/TT-BXD đã hết hiệu lực thi hành từ 2017); - LV Nội vụ: vẫn công khai, dẫn chiếu đến các quy định, mẫu đơn, tờ khai đã hết hiệu lực thi hành; Nghị định Số: 30/2012/NĐ-CP, Thông tư	Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên rà soát, cập nhật công khai và đầy đủ các quy định, TTHC mới; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố TTHC mới của ngành theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh có công văn chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tiến hành khắc phục nội dung này.	Quý III-IV	- Văn bản tham mưu của các Sở liên quan; - Quyết định Công bố của UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
					Số: 02/2013/TT-BNV đã hết hiệu lực từ lâu).				
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.5	1,4925	0.0075	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm giải quyết đúng hạn đạt 99,5% (101.835/102.337).	UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành có giải pháp phấn đấu đạt tỉ lệ 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn;	UBND tỉnh	Thường xuyên trong năm	Văn bản chỉ đạo, đơn đốc
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.5	1,4631	0.0369	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn đạt 97,5% (17.310/17.747).	UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phấn đấu đạt tỉ lệ 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn;	UBND tỉnh	Thường xuyên trong năm	Văn bản chỉ đạo, đơn đốc
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.	1	0,9989	0.0011	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm giải quyết đúng hạn đạt 99,9% (195.371/195.579).	UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND cấp xã phấn đấu đạt tỉ lệ 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn;	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên trong năm	Văn bản chỉ đạo, đơn đốc
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	10.5	9.7804	-0.7196					Sở Nội vụ
4.1.4	Tính hợp lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1.0	0,8141	-0.1859	Điều tra xã hội học	Sở Nội vụ tăng cường tuyên truyền về nội dung các chỉ số Điều tra XHH để CBCCVC hiểu và thực hiện đúng yêu cầu để	Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp	Thường xuyên trong năm	Các cuộc họp giao ban; các phiên làm việc

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
4.1.5	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương	1.0	0,8221	-0.1779	Điều tra xã hội học	CBCCVC hiểu và thực hiện đúng yêu cầu (thông qua các cuộc họp giao ban của Ngành và các phiên làm việc với UBMTTQ Việt Nam tỉnh).	huyện		
4.1.6	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1.0	0,8261	-0.1739	Điều tra xã hội học				
4.3.4	Tính hợp lý trong việc phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1.0	0,8181	-0.1819	Điều tra xã hội học				
5	Cải cách chế độ công vụ	15.0	13.1992	-1.8008					Sở Nội vụ
5.2.3	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1.0	0,8531	-0.1469	Điều tra xã hội học	Sở Nội vụ tăng cường tuyên truyền về nội dung các chỉ số Điều tra XHH để CBCCVC hiểu và thực hiện đúng yêu cầu để CBCCVC hiểu và thực hiện đúng yêu cầu (thông qua các cuộc họp giao ban của Ngành và các phiên làm việc với UBMTTQ Việt Nam tỉnh).	Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm	Các cuộc họp giao ban; các phiên làm việc
5.2.4	Tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	1.0	0,8551	-0.1449	Điều tra xã hội học				
5.3.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức	1.0	0,8294	-0.1706	Điều tra xã hội học				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
5.3.3	Tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức	1.0	0,8430	-0.1570	Điều tra xã hội học				
5.5.2	Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.0	0,7424	-0.2576	Điều tra xã hội học				
5.7.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.0	0,7639	-0.2361	Điều tra xã hội học				
5.7.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.0	0,7751	-0.2249	Điều tra xã hội học				
5.7.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1.0	0,8291	-0.1709	Điều tra xã hội học				
5.7.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1.0	0,7081	-0.2919	Điều tra xã hội học				
6	Cải cách tài chính công	12	9.8480	-2.1520					Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0,8323	-0.1677	Kết quả thanh toán vốn kế hoạch năm là: 2.543.815 triệu đồng, đạt 82,9% so với kế hoạch.	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh có giải pháp đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có kết quả giải ngân thấp.	Bắt đầu từ quý IV 2024	- Văn bản tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Công văn chỉ đạo của UBND tỉnh; - Kết quả thể hiện tại Báo cáo thực hiện các nội dung của Bản Bam kết.
6.1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0,9807	-0,0193	Tỷ lệ thực hiện các kiến nghị đạt 99,72% (229.686/230.331 triệu đồng).	Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh có giải pháp thực hiện tốt các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.	Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Quý IV năm 2024	- Công văn tham mưu của Sở Tài chính; - Báo cáo thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán .
6.1.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	0,7230	-0.2770	Điều tra xã hội học	Tăng cường tuyên truyền về nội dung các chỉ số Điều tra XHH để CBCCVV hiểu và thực hiện đúng yêu cầu (thông qua Hội nghị, Hội thảo và các cuộc họp giao ban).	Sở Tài chính và các Sở, Ban, Ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.	Thường xuyên trong năm	- Hội nghị, Hội thảo; - Văn bản triển khai
6.2.4	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	0,7964	-0.2036	Điều tra xã hội học				
6.2.5	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1	0,7859	-0.2141	Điều tra xã hội học				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1	0	-1	Qua thanh tra của cơ quan có thẩm quyền trong năm 2023 đã phát hiện và xử lý một số sai phạm tại đơn vị sự nghiệp công lập: Một số đơn vị trường học trên địa bàn huyện Hải Lăng còn sai sót, vi phạm trong quản lý, thu-chi tài chính (một số nội dung chi không đúng quy định hiện hành) dẫn đến phải thu hồi số tiền lớn.	Sở Tài chính cần tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về công tác sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL và theo dõi kết quả thực hiện Kết luận Thanh tra.	Sở Tài chính và các đơn vị SNCL.		- Các đợt kiểm tra; - Kết luận Thanh tra; - Báo cáo thực hiện kết luận thanh tra.
6.3.5	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL	1	0.7297	0.2703	Điều tra xã hội học	Tăng cường tuyên truyền về nội dung các chỉ số Điều tra XHH để CBCCVV hiểu và thực hiện đúng yêu cầu (thông qua Hội nghị, Hội thảo và các cuộc họp giao ban).	Sở Tài chính và các Sở, Ban, Ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.	Thường xuyên trong năm	- Hội nghị, Hội thảo; - Văn bản triển khai
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	13.50	10,3956	-3.1044					Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông;
7.1.2	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	1	0.5	-0.5	Do Bộ TT&TT chưa triển khai việc kết nối nền tảng điện toán đám mây, do đó 63 tỉnh, thành phố đều bị trừ 0.5 điểm đối với nội dung này.	Bộ TTTT chưa triển khai việc kết nối nền tảng điện toán đám mây, do đó địa phương chưa có căn cứ hướng dẫn thực hiện.			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
7.1.3	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	1	0.3	-0.7	Tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung đạt 30%.	Sở TTTT đơn đốc các cơ quan, đơn vị có cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh có trách nhiệm thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Các sở ban ngành cấp tỉnh	Quý III-IV	Số lượng các ứng dụng có dữ liệu dùng chung
7.1.4	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	1.0	0,4118	-0.5882	Do dịch vụ dữ liệu có trên NDXP và được đưa vào sử dụng chính thức chỉ đạt 40%	Sở TTTT đơn đốc, hướng dẫn các sở ban ngành có cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh có trách nhiệm thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan	Quý III-IV	Số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia
7.3.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	1	0,8234	-0.1766	Điều tra xã hội học	Ban hành văn bản gửi các cơ quan, đơn vị rà soát việc cung cấp thông tin cho Cổng TTĐT thực hiện theo NĐ 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ và hoàn thiện cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật của Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa	V PUBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý IV	Các phiên giao ban của Ngành

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
						phương, đơn vị theo đúng quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ thông tin và Truyền thông.			
7.3.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1.5	1,0696	-0.4304	41.940 hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy) = $41.940/58.818 * 1,5 = 1,0696$ điểm.	UBND tỉnh chỉ đạo UBND các cấp tăng cường chỉ đạo CBCCC ở Bộ phận một cửa nâng cao Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên trong năm	- Công văn chỉ đạo của UBND tỉnh; - Số liệu về hồ sơ TTHC TTTT trên Cổng DVC.
7.3.7	Thực hiện thanh toán trực tuyến	1.5	0.7908	-0,7092	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến đạt 83,84% (cao); tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến chỉ đạt 15,14% (quá thấp) và tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến chỉ đạt 1,48% (quá thấp).	VP UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các cấp tăng cường chỉ đạo CBCCC ở Bộ phận một cửa nâng cao trách nhiệm hơn nữa trong việc thực hiện TTHC, đồng thời kết hợp tuyên truyền về lợi ích của DVC trực tuyến và thanh toán trực tuyến đến người dân và doanh nghiệp.	VPUBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Thường xuyên trong năm	- Công văn chỉ đạo của UBND tỉnh; - Số liệu về hồ sơ TTHC TTTT trên Cổng DVC.
8	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của tỉnh	16.50	12.8273	-3.6727					Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các cơ quan liên quan
8.1	Kết quả Chỉ số hài	10	7.9662	-2.0338					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
	lòng (SIPAS)								
8.1.1	Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1.5	1,2002	-0.2998					
8.1.2	Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	1.5	1,1972	-0.3028					
8.1.3	Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC	2.5	2,0028	-0.4972					
8.1.4	Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2.5	1,9928	-0.5072					
8.1.5	Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	2	1,5732	-0.4268					
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1.5	0.5	-1	Thực hiện thu ngân sách xếp thứ 55/63 địa phương, căn cứ số liệu thu NSNN năm 2023 của 63 địa phương (kết xuất ngày 31/01/2024 của KBNN).	Sở Tài chính tham mưu UBND các giải pháp tăng thu trên địa bàn.	- Cơ quan theo dõi/chủ trì: Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh; - Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Quý III-IV	Báo cáo của Sở Tài chính
8.5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	2	1,3611	-0.6389	14/18 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; còn 04 chỉ tiêu chưa đạt theo Kế hoạch.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND các giải pháp hoàn thành 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2024, góp phần cải thiện chỉ	Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị có	Quý III-IV	Báo cáo của Sở Kế hoạch và đầu tư.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ	Lý do bị trừ điểm	Biện pháp khắc phục	Cơ quan, đơn vị chỉ đạo, theo dõi và thực hiện	Thời gian	Sản phẩm
						số và góp phần phát triển KT-XH của địa phương.	liên quan.		
	Tổng cộng:	100	86.2482 (86,25)	-13.7518					